

THÔNG BÁO

**Học phí tín chỉ học kỳ Hè năm học 2021 – 2022 của các khóa chính quy
Hệ Đại học và Cao đẳng**

A. Nhóm môn học thuộc môn khoa học cơ bản, môn học chung tất cả các ngành đều học:

DVT: đồng /tín chỉ

STT	NHÓM MÔN HỌC	ĐẠI HỌC	CAO ĐẲNG
1	Lý thuyết	468.000	363.000
2	Thí nghiệm, thực hành, bài tập lớn ... môn chuyên đề học nhóm nhỏ tại phòng máy, tại xưởng, tại phòng chuyên đề ..	557.000	436.000

B. Nhóm môn học cơ sở và chuyên ngành của từng ngành đào tạo:

DVT: đồng /tín chỉ

STT	NGÀNH	Lý thuyết	TN – TH – BTL, ĐÁ môn học,..môn học nhóm nhỏ tại phòng chuyên đề	Thực tập ngoài trường
I	<u>HỆ ĐẠI HỌC</u>			
1	CNKT Cơ điện tử (CĐT)	516.000	557.000	516.000
2	CNKT Điện điện tử (ĐĐT)	516.000	557.000	516.000
3	CNKT Điện tử Viễn thông (ĐTVT)	516.000	557.000	516.000
4	Kỹ thuật Công trình XD (KTCT)	516.000	557.000	516.000
5	Công nghệ Thông tin	557.000	557.000	516.000
6	Quản trị Kinh doanh	557.000	557.000	516.000
7	Công nghệ thực phẩm	557.000	702.000	516.000
8	Thiết kế công nghiệp	557.000	604.000	516.000

STT	NGÀNH	Lý thuyết	TN – TH – BTL, ĐÁ môn học,.. môn học nhóm nhỏ tại phòng chuyên đề	Thực tập ngoài trường
II	HỆ CAO ĐẲNG			
1	CNKT Cơ điện tử (CĐT)	403.000	436.000	403.000
2	CNKT Điện điện tử (ĐĐT)	403.000	436.000	403.000
3	CNKT Điện tử Viễn thông (ĐTVT)	403.000	436.000	403.000
4	Kỹ thuật Công trình XD (KTCT)	403.000	436.000	403.000
5	Công nghệ Thông tin	436.000	436.000	403.000
6	Quản trị Kinh doanh	436.000	436.000	403.000
7	Công nghệ thực phẩm	436.000	547.000	403.000
8	Thiết kế công nghiệp	436.000	476.000	403.000

C. Chi phí đi thực tập mỹ thuật cơ sở khoa Thiết kế Công nghiệp hệ ĐH – CĐ (theo đề xuất của khoa): 2.480.000 đồng/SV (bao gồm tiền ở khách sạn, ăn uống và vé tham quan)



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS CAO HÀO THI

Nơi nhận :

- Phòng Hiệu trưởng;
- Các Khoa, Phòng ĐT;
- Lưu HCQT, KHTC